

DANH MỤC TÀI SẢN THANH XỬ LÝ NĂM 2026

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(16)	
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			41		
I	Máy biến áp			16		
1	MBA 100 (1P)kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 00811080-22	AGI-258472	Cái	1	17 03 05	
2	MBA 160kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 10816224-2	AGI-254889	Cái	1	17 03 05	
3	MBA 250kVA; Hiệu: EMC; SM: 12069720	AGI-228619	Cái	1	17 03 05	
4	MBA 250kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 00523089-2	AGI-246035	Cái	1	17 03 05	
5	MBA 250kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 00423077-2	AGI-246780	Cái	1	17 03 05	
6	MBA 250kVA; Hiệu: EMC; SM: 120999115	AGI-244713	Cái	1	17 03 05	
7	MBA 250kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 91223276-2	AGI-240179	Cái	1	17 03 05	
8	MBA 250kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30123018-2	AGI-268995	Cái	1	17 03 05	
9	MBA 400kVA; Hiệu: VINA TAKAOKA; SM: 99Z0753T	AGI-243602	Cái	1	17 03 05	
10	MBA 400kVA; Hiệu: VINA TAKAOKA; SM: 99X0642T	AGI-243603	Cái	1	17 03 05	
11	MBA 560kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 4111256656365	AGI-201809691	Cái	1	17 03 05	
12	MBA 630kVA; Hiệu: VINA TAKAOKA; SM: AA60375T	AGI-246791	Cái	1	17 03 05	
13	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV EMF S011099307-Kho PCKG	AGI.202003485	Cái	1	17 03 05	
14	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30401316-22- Kho PCKG	AGI.202308196	Cái	1	17 03 05	
15	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV SANAKY 2223050943-Kho PCKG	AGI.202212061	Cái	1	17 03 05	
16	MBA 1P 50kVA 12.7/0.23kV EMC S041214161 - Kho PCKG.	AGI.911405	Cái	1	17 03 05	
II	Phương tiện vận tải			13		
1	XE FORD RANGER 2AW04; VÀNG - ĐỎ; SM: WLAT455860; SK: DFDCMRRD4C02837; BS: 67L 5113.	AGI-703680	Chiếc	1	15 01 01	
2	XE Ô TÔ TẢI (CÓ CẦN CẦU) FC-LC; TRƯỜNG LONG; SM: JO7C-B13620; SK: FC3JLU-10172; BS: 67C-030.57	AGI-907465	Chiếc	1	15 01 01	
3	XE FORD RANGER 2AW04; VÀNG - ĐỎ; SM: WLAT455923; SK: DFDCMRRD4C; BS: 67L-5105	AGI-703683	Chiếc	1	15 01 01	
4	XE FORD RANGER 2AW; VÀNG - ĐỎ; SK: DFDCMRRD5J03732; SM: WLAT535210; BS: 67L-5476	AGI-907290	Chiếc	1	15 01 01	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
5	XE TOYOTA HIACE COMMUTER; SK: ZH1153002065; SM: 2RZ3281612; BS: 95H-0370	AGI-202406005	Chiếc	1	15 01 01	
6	XE TOYOTA CAMRY XL 5 CHỖ; XANH ĐEN; BS: 67L – 3401; SM: 5S4345348; SK: 53SK200X779516	AGI-703157	Chiếc	1	15 01 01	
7	Xe tải cầu HINO 5,3T, BS: 68C- 024.13, SM: W04DB48992, SK: FC114S11338	AGI.703460	Chiếc	1	15 01 01	
8	Xe FORD RANGER 1,1T, SM: WLAT511723, SK: THDFDCMRRD4S03567, 68C- 035.06	AGI.703843	Chiếc	1	15 01 01	
9	Xe FORD RANGER 2AW 5 chỗ 68C-018.60 SM:WLAT427591,SK:THDFDCM RRD3P02565	AGI.703607	Chiếc	1	15 01 01	
10	Xe tải 5T Cầu SOOSAN 3T SM:J07CB13714 SK:FC3JLU10223 HINO 68H-4836	AGI.907627	Chiếc	1	15 01 01	
11	Xe FORD RANGER 1,1T, 68H- 4154, SM: WLAT459378 SK: THDFDCMRRD4C02831	AGI.703685	Chiếc	1	15 01 01	
12	Xe tải cầu Hino có cần trục 8,5 tấn, BS:68H-3191 SM:B48881 SK:11248	AGI.703324	Chiếc	1	15 01 01	
13	Xe tải nhẹ KIA 1.4T; SM: JT454016; SK: 011237025684; BS: 68H-3586	AGI.202406014	Chiếc	1	15 01 01	
III	TSCĐ khác			12		
1	Biến điện áp TU 123kV Serial No: 013196.NSX: Schneider – Đức-Kho PCKG	AGI.202404001	Cái	1	17 03 05	
2	Biến điện áp TU 123KV - 25kA/3sec; Số No: 61975-Kho PCKG	AGI.201903139	Cái	1	17 03 05	
3	Bàn kiểm công tơ 3 pha, Model: TF 9300, SM: 1009441.	AGI.202401044	Cái	1	16 01 13	
4	Công tơ chuẩn 3 pha cầm tay, Model/NSX: WS2310cs/Slovaki, SM: 1364040901.	AGI.202401047	Bộ	1	16 01 13	
5	Công tơ chuẩn 3P cầm tay, WS2110cs/Slovakia, SM 1365121232 - Hòn Đất.	AGI.912478	Bộ	1	16 01 13	
6	Công tơ chuẩn 3P cầm tay, Model/NSX: WS2310cs/Slovaki, SM:1367031411-ĐLVT	AGI.201707032	Bộ	1	16 01 13	
7	Công tơ chuẩn 3P cầm tay, Model/NSX: WS2310cs/Slovaki, SM:1367031408-ĐLRG	AGI.201707031	Bộ	1	16 01 13	
8	Công tơ mẫu 1P xách tay-PEWM-3C- 1, Hiệu/NSX: EMSYTS- 6/TURKEY, 0613594.	AGI.910505	Cái	1	16 01 13	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
9	SERVER IBM SYSTEM x 3200 MODEL 4362-I2s, CT MO RONG MANG WAN- GD II.	AGI.908474	Cái	1	16 01 13	
10	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub 283, Trung Quốc, A1UF041106076.	AGI.910922	Cái	1	16 01 13	
11	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub 283, Trung Quốc, A1UF041106164.	AGI.910926	Cái	1	16 01 13	
12	MÁY PHOTOCOPY SHARP MX- M452N; No:33000211 (CT1483C021)	AGI-913803	Cái	1	16 01 13	
B	CÔNG CỤ DỤNG CỤ (MBA)			188		
1	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 4082115116568	AGI-908065	Cái	1	17 03 05	
2	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: S010397324	AGI-234467	Cái	1	17 03 05	
3	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: 20501714-22	AGI-262149	Cái	1	17 03 05	
4	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: 01100558	AGI-907724	Cái	1	17 03 05	
5	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 80801277-22	AGI-262832	Cái	1	17 03 05	
6	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 80801301-22	AGI-262834	Cái	1	17 03 05	
7	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: S01129219	AGI-907355	Cái	1	17 03 05	
8	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20501806-22	AGI-270737	Cái	1	17 03 05	
9	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 70901089	AGI-262910	Cái	1	17 03 05	
10	MBA 15kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20601845-22	AGI-270831	Cái	1	17 03 05	
11	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: 010997271	AGI-262864	Cái	1	17 03 05	
12	MBA 15kVA; Hiệu: EMC; SM: Mát Mạc	AGI-262865	Cái	1	17 03 05	
13	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020903177	AGI-285949	Cái	1	17 03 05	
14	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020504115	AGI-907963	Cái	1	17 03 05	
15	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020705186	AGI-908432	Cái	1	17 03 05	
16	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020803134	AGI-908720	Cái	1	17 03 05	
17	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 21221331-22	AGI-273435	Cái	1	17 03 05	
18	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: Mát Mạc	AGI-258433	Cái	1	17 03 05	
19	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S020798124	AGI-238464	Cái	1	17 03 05	
20	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 02059498	AGI-228881	Cái	1	17 03 05	
21	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 10821542-22	AGI-250743	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
22	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020705276	AGI-909857	Cái	1	17 03 05	
23	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30321981-22	AGI-273426	Cái	1	17 03 05	
24	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30321965-22	AGI-273266	Cái	1	17 03 05	
25	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S020897372	AGI-262983	Cái	1	17 03 05	
26	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020498227	AGI-236989	Cái	1	17 03 05	
27	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 02090511	AGI-908649	Cái	1	17 03 05	
28	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020505407	AGI-908353	Cái	1	17 03 05	
29	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S021296230	AGI-231114	Cái	1	17 03 05	
30	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S020298296	AGI-235739	Cái	1	17 03 05	
31	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 81121043-22	AGI-258709	Cái	1	17 03 05	
32	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020199280	AGI-258575	Cái	1	17 03 05	
33	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S02029657	AGI-258707	Cái	1	17 03 05	
34	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: 020697366	AGI-262957	Cái	1	17 03 05	
35	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30121219-22	AGI-273356	Cái	1	17 03 05	
36	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 80121039-22	AGI-258561	Cái	1	17 03 05	
37	MBA 25kVA; Hiệu: EMC; SM: S020905112	AGI-907718	Cái	1	17 03 05	
38	MBA 25kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 10721303-22	AGI-250712	Cái	1	17 03 05	
39	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03079520	AGI-258590	Cái	1	17 03 05	
40	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030304178	AGI-907954	Cái	1	17 03 05	
41	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030894131	AGI-227051	Cái	1	17 03 05	
42	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030694137	AGI-258467	Cái	1	17 03 05	
43	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03099517	AGI-258165	Cái	1	17 03 05	
44	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20631758-22	AGI-270926	Cái	1	17 03 05	
45	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20631757-22	AGI-270925	Cái	1	17 03 05	
46	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 031196248	AGI-231105	Cái	1	17 03 05	
47	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 60831276-22	AGI-258856	Cái	1	17 03 05	
48	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030394160	AGI-258637	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
49	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 03039504	AGI-258657	Cái	1	17 03 05	
50	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030997562	AGI-258838	Cái	1	17 03 05	
51	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03059557	AGI-258683	Cái	1	17 03 05	
52	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 71031194-22	AGI-258865	Cái	1	17 03 05	
53	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20831965-22	AGI-271829	Cái	1	17 03 05	
54	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030904221	AGI-907969	Cái	1	17 03 05	
55	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03079527	AGI-258680	Cái	1	17 03 05	
56	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 030203489-22	AGI-908965	Cái	1	17 03 05	
57	MBA 37,5kVA; Hiệu: -; SM: 504203-22	AGI-258300	Cái	1	17 03 05	
58	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 90231064-22	AGI-258898	Cái	1	17 03 05	
59	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30431610-22	AGI-268968	Cái	1	17 03 05	
60	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03059573	AGI-258682	Cái	1	17 03 05	
61	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030400256	AGI-246944	Cái	1	17 03 05	
62	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 03030423	AGI-907990	Cái	1	17 03 05	
63	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 70631174-22	AGI-262908	Cái	1	17 03 05	
64	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030595170	AGI-258479	Cái	1	17 03 05	
65	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030997421	AGI-262969	Cái	1	17 03 05	
66	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 71131223-22	AGI-258791	Cái	1	17 03 05	
67	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 03079741	AGI-258891	Cái	1	17 03 05	
68	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 60931290-22	AGI-258855	Cái	1	17 03 05	
69	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 70631170-22	AGI-262907	Cái	1	17 03 05	
70	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30431691-22	AGI-274677	Cái	1	17 03 05	
71	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030614147	AGI-913763	Cái	1	17 03 05	
72	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30431677-22	AGI-274682	Cái	1	17 03 05	
73	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030596224	AGI-258416	Cái	1	17 03 05	
74	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030496331	AGI-258310	Cái	1	17 03 05	
75	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: Mất mark	AGI-258819	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
76	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 70731137-22	AGI-262897	Cái	1	17 03 05	
77	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 70531158-22	AGI-262896	Cái	1	17 03 05	
78	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030997180	AGI-262932	Cái	1	17 03 05	
79	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030997182	AGI-262933	Cái	1	17 03 05	
80	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S030796145	AGI-258720	Cái	1	17 03 05	
81	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: S03059577	AGI-258244	Cái	1	17 03 05	
82	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 031105375	AGI-907691	Cái	1	17 03 05	
83	MBA 37,5kVA; Hiệu: GENERAL; SM: L838871YE	AGI-218715	Cái	1	17 03 05	
84	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 10131089-22	AGI-254900	Cái	1	17 03 05	
85	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: Mất mark	AGI-262795	Cái	1	17 03 05	
86	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 03100584	AGI-908122	Cái	1	17 03 05	
87	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30731993-22	AGI-274557	Cái	1	17 03 05	
88	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: Mất mark (HAI PHUÔN)	AGI-274562	Cái	1	17 03 05	
89	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 03040099	AGI-258594	Cái	1	17 03 05	
90	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: 030500128	AGI-246949	Cái	1	17 03 05	
91	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20631719-22	AGI-270721	Cái	1	17 03 05	
92	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 81031263-22	AGI-258905	Cái	1	17 03 05	
93	MBA 37,5kVA; Hiệu: EMC; SM: Mất mark (theo QL No: 030694125)	AGI-258650	Cái	1	17 03 05	
94	MBA 37,5kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 504229-22	AGI-258362	Cái	1	17 03 05	
95	MBA 50kVA; Hiệu: EMC; SM: 040894143	AGI-237093	Cái	1	17 03 05	
96	MBA 50kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20451298-22	AGI-262054	Cái	1	17 03 05	
97	MBA 50kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20451322-22	AGI-262052	Cái	1	17 03 05	
98	MBA 50kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 20451308-22	AGI-262051	Cái	1	17 03 05	
99	MBA 50kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 30251376-22	AGI-268897	Cái	1	17 03 05	
100	MBA 50kVA; Hiệu: THIBIDI; SM: 5032150018023	AGI-908667	Cái	1	17 03 05	
101	MBA 50kVA; Hiệu: EMC; SM: S040400175	AGI-246952	Cái	1	17 03 05	
102	MBA 75kVA; Hiệu: EMC; SM: S050998296	AGI-262941	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
103	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 21201533-22	KGI-CCDCA201812848	Cái	1	17 03 05	
104	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV EMF 010997205	KGI-CCDC201811083	Cái	1	17 03 05	
105	MBA 15kVA 12.7/0.23kV EMC S011297401	KGI-CCDCA201812488	Cái	1	17 03 05	
106	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV EMF 010300364	KGI-CCDC201810224	Cái	1	17 03 05	
107	MBA 1P 15kVA 12,7/0,23kV THIBIDI 4082115133678	KGI-CCDC201811046	Cái	1	17 03 05	
108	MBA 1P 25KVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 11121924-22	KGI-CCDC201811716	Cái	1	17 03 05	
109	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 02521360	KGI-CCDC201812432	Cái	1	17 03 05	
110	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 020694141	KGI-CCDC232245	Cái	1	17 03 05	
111	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 90321334-22	KGI-CCDCA201812913	Cái	1	17 03 05	
112	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 20821172-22	KGI-CCDCA201812075	Cái	1	17 03 05	
113	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF S020599195	KGI-CCDCA201812542	Cái	1	17 03 05	
114	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMF S02039791	KGI-CCDCA201812527	Cái	1	17 03 05	
115	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMC 02079334	KGI-CCDCA201812037	Cái	1	17 03 05	
116	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 403292-2	KGI-CCDC201809004	Cái	1	17 03 05	
117	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF 020300134	KGI-CCDC201811127	Cái	1	17 03 05	
118	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV TAKAOKA 0330569	KGI-CCDC201812331	Cái	1	17 03 05	
119	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 00321680-22	KGI-CCDCA201812927	Cái	1	17 03 05	
120	MBA 25kVA 12.7/0.23KV THIBIDI 30821656	KGI-CCDC201811422	Cái	1	17 03 05	
121	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF S021097786	KGI-CCDCA201812049	Cái	1	17 03 05	
122	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 30121166	KGI-CCDC201810368	Cái	1	17 03 05	
123	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 01121536-22	KGI-CCDCA201812337	Cái	1	17 03 05	
124	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 71121520-22	KGI-CCDC201811460	Cái	1	17 03 05	
125	MBA 1P 25kVA 12-8,66/0,23KV THIBIDI 11221231-22	KGI-CCDC201810344	Cái	1	17 03 05	
126	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 4082125134191	KGI-CCDC201811158	Cái	1	17 03 05	
127	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 20921528-22	KGI-CCDC201809007	Cái	1	17 03 05	
128	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV Hoàng Cơ HC09259	KGI-CCDC201811423	Cái	1	17 03 05	
129	MBA 1P 25kVA 12,7/2x0,23kV TAKAOKA 0340866	KGI-CCDCA201812525	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
130	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30321868-22	KGI-CCDC201812267	Cái	1	17 03 05	
131	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 02119596	KGI-CCDC201812402	Cái	1	17 03 05	
132	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV HC 09257	KGI-CCDCA201812393	Cái	1	17 03 05	
133	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 01121618-22	KGI-CCDC201812300	Cái	1	17 03 05	
134	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV TAKAOKA 0340698T	KGI-CCDC201812243	Cái	1	17 03 05	
135	MBA 1P 25kVA 12.7/0,23kV EMF S020299306	KGI-CCDC201812382	Cái	1	17 03 05	
136	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 20621662-22	KGI-CCDC201811316	Cái	1	17 03 05	
137	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 01021280-22	KGI-CCDCA201812492	Cái	1	17 03 05	
138	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMF 02119591	KGI-CCDC201811170	Cái	1	17 03 05	
139	MBA 1P 25kVA 12,7/0,23kV THIBIDI 4082125134176	KGI-CCDCA201812353	Cái	1	17 03 05	
140	MBA 1P 25kVA 12.7/0,23kV EMC S020402269	KGI-CCDCA201812178	Cái	1	17 03 05	
141	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 20421039-22	KGI-CCDC201812235	Cái	1	17 03 05	
142	MBA 1P 37.5kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 20331423-22	KGI-CCDC201810109	Cái	1	17 03 05	
143	MBA 1P 37.5kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 91131713-22 - Kho PCKG	KGI-CCDC201812213	Cái	1	17 03 05	
144	MBA 1P 37.5kVA 12.7/0.23kV 20531561-22	KGI-CCDC201811771	Cái	1	17 03 05	
145	MBA 1P 37.5kVA 12.7/0.23kV EMC S030614223	KGI-CCDCA201812657	Cái	1	17 03 05	
146	MBA 1P 50kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 01251450-22	KGI-CCDC201810219	Cái	1	17 03 05	
147	MBA 1P 50kVA 12.7/0.23kV EMC 040908292	KGI-CCDCA201812254	Cái	1	17 03 05	
148	MBA 1P 50kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 01151434-22	KGI-CCDC201810111	Cái	1	17 03 05	
149	MBA 1P 15kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF S010997414	KGI-CCDC201811847	Cái	1	17 03 05	
150	MBA 1P 15kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 20901111-22	KGI-CCDCA201812816	Cái	1	17 03 05	
151	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 20721910-22	KGI-CCDCA201812048	Cái	1	17 03 05	
152	MBA 1P 25kVA 12,7-8.66/0,23kV THIBIDI 20421209-22	KGI-CCDCA201812177	Cái	1	17 03 05	
153	MBA 1P 25kVA 12,7-8,66/0,23kV THIBIDI 30121292-22	KGI-CCDC201811714	Cái	1	17 03 05	
154	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF 020198600	KGI-CCDC201811402	Cái	1	17 03 05	
155	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30121341	KGI-CCDCA201812857	Cái	1	17 03 05	
156	MBA 1P 25kV 12.7/0,23kV TAKAOKA 0340797T	KGI-CCDC201812423	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
157	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 101250434	KGI-CCDCA201812939	Cái	1	17 03 05	
158	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 5042125051568	KGI-CCDC201811659	Cái	1	17 03 05	
159	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 91221941-22	KGI-CCDC201811707	Cái	1	17 03 05	
160	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30121297-22	KGI-CCDCA201812066	Cái	1	17 03 05	
161	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV TAKAOKA 0330583T	KGI-CCDC201812247	Cái	1	17 03 05	
162	MBA 25kVA 12.7-8.66/0.23kV EMF 020597258	KGI-CCDC201811390	Cái	1	17 03 05	
163	MBA 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 11021443	KGI-CCDC201811404	Cái	1	17 03 05	
164	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 5042125068901	KGI-CCDC201812395	Cái	1	17 03 05	
165	MBA 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30121290-22	KGI-CCDC201811382	Cái	1	17 03 05	
166	MBA 1P 25kVA 12,7/0,23kV THIBIDI 30821765-22	KGI-CCDCA201812629	Cái	1	17 03 05	
167	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 131250538	KGI-CCDC201810177	Cái	1	17 03 05	
168	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV TAKAOKA 0340734T	KGI-CCDC201811218	Cái	1	17 03 05	
169	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV TAKAOKA 0340764T	KGI-CCDC201812418	Cái	1	17 03 05	
170	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMC 02110482	KGI-CCDCA201812900	Cái	1	17 03 05	
171	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30821722	KGI-CCDC201812328	Cái	1	17 03 05	
172	MBA 1P 25kVA 12,7/0,23kV TAKAOKA 0340861T	KGI-CCDCA201812535	Cái	1	17 03 05	
173	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMF S02049712	KGI-CCDC201812322	Cái	1	17 03 05	
174	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMC S020508167	KGI-CCDC201811133	Cái	1	17 03 05	
175	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 11221223-22	KGI-CCDCA201812592	Cái	1	17 03 05	
176	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30821690-22	KGI-CCDCA201812953	Cái	1	17 03 05	
177	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 01121523-22	KGI-CCDCA201812325	Cái	1	17 03 05	
178	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 01121602-22	KGI-CCDC201810319	Cái	1	17 03 05	
179	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 80621426-22	KGI-CCDC263010	Cái	1	17 03 05	
180	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 4082125134092	KGI-CCDC201810332	Cái	1	17 03 05	
181	MBA 1P 25KVA 12.7/0.23KV TAKAOKA 0340894T	KGI-CCDC201811634	Cái	1	17 03 05	
182	MBA 1P 25kVA 12.7/0.23kV EMF 02039476	KGI-CCDC201810317	Cái	1	17 03 05	
183	MBA 1P 25kVA 12.7-8.66/0.23kV THIBIDI 8012125017055	KGI-CCDC201808040	Cái	1	17 03 05	

Stt	Tên TSCĐ	Số thẻ	Đvt	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
184	MBA 1P 37,5kVA 12.7/0.23 HAVEC 18A146	KGI-CCDC201805022	Cái	1	17 03 05	
185	MBA 1P 37.5kVA 12.7/0.23kV EMC 030608324	KGI-CCDC201811740	Cái	1	17 03 05	
186	MBA 1P 50kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 30751216-22	KGI-CCDCA201812664	Cái	1	17 03 05	
187	MBA 1P 50kVA 12,7-8,66/0,23kV THIBIDI 20551750	KGI-CCDCA201812477	Cái	1	17 03 05	
188	MBA 1P 50kVA 12.7/0.23kV THIBIDI 91251428-22	KGI-CCDC201812152	Cái	1	17 03 05	
	TỔNG CỘNG:			229		